

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **166/2020/DS-ST**
Ngày: 24-6-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh
2. Ông Thái Hoàn Xanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 504/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V; Địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà R, số 9 đường Đ, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà C, số 20 đường C, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 308/UQTA-VH.19 ngày 21/10/2019) (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1968; Ngụ tại: 189/2/6 đường H, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty Tài chính TNHH một thành viên

Ngân hàng V (sau đây gọi tắt là Công ty Tài chính) do bà Phạm Thị H làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 30/3/2017, bà Trần Thị N có ký Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20170330-0001735 với Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V (sau đây gọi tắt là Công ty Tài chính) để vay số tiền là 18.488.997 đồng và đồng ý mua bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân là 1.016.895 đồng, tổng cộng của khoản vay là 19.505.892 đồng (mười chín triệu năm trăm lẻ năm nghìn tám trăm chín mươi hai đồng) với lãi suất thỏa thuận là 4.17%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính số tiền là 38.088.477 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu tiên mỗi tháng trả số tiền là 1.056.000 đồng; tháng cuối cùng trả số tiền là 1.128.477 đồng. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 01/5/2017.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty Tài chính với tổng số tiền là 19.008.000 đồng, trong đó nợ gốc đã thanh toán là 6.282.198 đồng và nợ lãi đã thanh toán là 12.725.802 đồng. Kể từ ngày 23/3/2019, bà N không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho tới nay dù Công ty Tài chính đã nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu buộc bà Trần Thị N thanh lý hợp đồng trả một lần cho Công ty Tài chính toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau:

- Trả toàn bộ khoản nợ gốc: 13.223.694 đồng
- Trả toàn bộ khoản nợ lãi: 5.856.783 đồng

Tổng số tiền Công ty khởi kiện yêu cầu buộc bà Trần Thị N phải thanh toán là: 19.080.477 đồng (*mười chín triệu không trăm tám mươi nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng*). Yêu cầu thanh toán một lần toàn bộ số tiền 19.080.477 đồng ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực nếu bà Trần Thị N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật dân sự.

Tại bản tự khai, bà Trần Thị N trình bày: Bà xác nhận bà có ký hợp đồng tín dụng với Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V. Bà xác nhận nợ gốc còn nợ là 13.223.694 đồng và nợ lãi là 5.856.783 đồng đúng như phía nguyên đơn yêu cầu. Nhưng hiện nay do dịch bệnh nên bà không có việc làm, không có thu nhập nên không có khả năng thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Có đơn xin vắng mặt
- Bị đơn: Có đơn xin vắng mặt

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí: Bà Trần Thị N chịu án phí và tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- *Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Xét đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2019 của nguyên đơn, Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20170330-0001735 ngày 30/3/2017, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:* Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 26/5/2020 và bị đơn có đơn xin vắng mặt đề ngày 01/6/2020. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

- *Về yêu cầu thanh toán số tiền 19.080.477 đồng (trong đó nợ gốc là 13.223.694 đồng, nợ lãi là 5.856.783 đồng) của Hợp đồng tín dụng số 20170330-0001735 ngày 30/3/2017:*

Xét Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20170330-0001735 ngày 30/3/2017 và lời khai của đại diện nguyên đơn, bị đơn thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385 và Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 20170330-0001735 ngày 30/3/2017 thì có cơ sở xác định bà Trần Thị N có ký hợp đồng tín dụng với Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V để vay số tiền là 18.488.997 đồng và đồng ý mua bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân với số tiền là 1.016.895 đồng, tổng cộng của khoản vay là 19.080.477 đồng. Bà N đã trả được số tiền nợ gốc là 6.282.198 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 13.223.694 đồng. Bà N cũng thừa nhận số tiền nợ gốc bà còn nợ Công ty tài chính là 13.223.694 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Công ty tài chính yêu cầu bà N trả số tiền nợ gốc còn lại là 13.223.694 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Tại Hợp đồng tín dụng số 20170330-0001735 ngày 30/3/2017 các bên có thỏa thuận lãi suất là 4.17%/tháng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 11 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng thì mức lãi suất 4.17%/tháng do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 20170330-0001735 ngày 30/3/2017 là hoàn toàn phù hợp.

Xét việc bà N đã thỏa thuận trả lãi cho Công ty Tài chính số tiền là 18.582.585 đồng, thực tế đã thanh toán được số tiền lãi là 12.725.802 đồng, số tiền nợ lãi còn nợ là 5.856.783 đồng. Bà N cũng thừa nhận số tiền nợ lãi bà còn nợ Công ty tài chính là 5.856.783 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Công ty tài chính yêu cầu bà N trả số tiền nợ lãi còn lại là 5.856.783 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

- *Về thời hạn và phương thức thanh toán:* Công ty Tài chính khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Tài chính. Do đó, Công ty Tài chính yêu cầu bà N thanh toán số tiền trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Công ty Tài chính là 19.080.477 đồng, do đó án phí bà N phải chịu là 954.024 đồng.

Hoàn trả cho Công ty Tài chính toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 477.012 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0020203 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 11 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V:

Buộc bà Trần Thị N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 20170330-0001735 ngày 30/3/2017 là 19.080.477 đồng (mười chín triệu không trăm tám mươi nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng), cụ thể:

- Nợ gốc là 13.223.694 đồng (mười ba triệu hai trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi tư đồng).

- Nợ lãi là 5.856.783 đồng (năm triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng).

Thời hạn thanh toán: Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm thi hành: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 954.024 đồng (chín trăm năm mươi tư nghìn không trăm hai mươi bốn đồng).

- Hoàn trả cho Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 477.012 đồng (bốn trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm mười hai đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0020203 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Thị Hương